TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3035/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Mai Hương

2/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 904/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4184/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Trịnh Ngọc N - sinh năm 1983

Căn cước công dân số xxxxxxxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/yy/zzzz

Thường trú: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: xã N, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa

(có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng Thanh V- sinh năm 1985

Căn cước công dân số xxxxxxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/yy/zzzz

Thường trú: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Trịnh Ngọc N trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ông và bà Nguyễn Hoàng Thanh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2016. Trong quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc sau đó đến năm 2017 ông bà phát sinh mâu thuẫn thời gian dài nguyên nhân do vợ chồng không có tình nghĩa với nhau, không giúp đỡ nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bà V còn hay ghen, gắn định vị vào xe và điện thoại của ông. Ông đã trao đổi để vợ chồng hiểu nhau, gia đình hạnh phúc nhưng Bà V không thay đổi. Đến năm 2021 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên ông đã đến Tòa để nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng thời điểm này Bà V đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên không nộp đơn được và ông chuyển về Thanh Hóa sinh sống. Ông bà đã sống ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân ông đi làm và có thu nhập tốt hơn, ông muốn quay lại để đoàn tụ gia đình. Mỗi lần từ Thanh Hóa vào Thành phố Hồ Chí Minh công tác ông vẫn về nhà ở, trong thời gian này mỗi tháng ông vẫn chu cấp 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nuôi con. Tháng 12/2022 vì lý do ông không về nhà nên bà V đăng bài trên facebook bôi nhọ ông, lấy danh nghĩa là vợ ông để gây cản trở công việc của ông, dẫn đến 03 tháng gần đây thu nhập của ông giảm sút mỗi tháng chỉ còn 12.000.000 đồng. Đến tháng 02/2023 lúc này ông nhận thấy không thể tiếp tục hàn gắn được nên ông không gửi tiền chu cấp nuôi con nữa, ngày 25/02/2023 ông về nhà thăm con thì bị anh trai bà V đánh không có lý do. Ông có mời Công an phường L đến giải quyết nhưng do đây là nhà của gia đình vợ nên Công an mời ông lên trụ sở Công an phường để giải quyết nhưng ông không đi. Sau đó ông không liên lạc được với con thông qua số điện thoại của mẹ bà V, thời gian này bà V tiếp tục đăng bài trên facebook bôi nhọ ông. Đến nay do không hàn gắn được mâu thuẫn, ông đã suy nghĩ kỹ và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trịnh Nguyễn Vân A sinh ngày 12/10/2018 và Trịnh Nguyễn Ninh A1 sinh ngày 19/6/2020. Hiện nay bà V đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung nên sau khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình giải quyết vụ án ông N đề nghị cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N thay đổi ý kiến, ông đề nghị cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ ngày Tòa án giải quyết. Ông cho rằng mức thu nhập của ông hiện nay không ổn định, chỉ còn 12.000.000 đồng mỗi tháng. Nguyên nhân do bà V gây cản trở công việc của ông và việc kinh doanh gặp khó khăn. Hiện nay ông đã viết đơn xin nghỉ việc.

Ngoài 02 người con chung với bà V thì hiện nay ông còn phải cấp dưỡng nuôi 02 người con riêng khác. Vì vậy, ông không có khả năng cấp dưỡng nhiều hơn.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bà Nguyễn Hoàng Thanh V trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Bà xác định quá trình đi đến hôn nhân đúng như ông N trình bày. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống tại nhà của gia đình bà tại phường L, thành phố Thủ Đức. Ông bà chung sống hạnh phúc bình thường cho đến khi bà mang thai người con thứ nhất thì ông N gặp gỡ và qua lại với nhiều người phụ nữ khác nhưng bà đã bỏ qua, đến khi bà có thai người con thứ 2 năm 2019 thì ông N thất nghiệp, bà phát hiện ra việc ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bạn gái ông N có gửi thư cho bà về việc ngoại tình của ông N. Ông N xin bà tha thứ, bà đã tha thứ để đoàn tụ gia đình tuy nhiên sau đó bà phát hiện ông N không thay đổi mà vẫn tiếp tục có mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, tháng 01/2021 bà phát hiện ông N đang đi chơi cùng người phụ nữ khác thì ông N dùng mũ bảo hiểm đánh bà. Tháng 3/2021, bà tiếp tục nhận được thông tin của một người lạ thông báo việc ông N vay mượn tiền để trang trải cuộc sống, thuê phòng trọ, trong khi gia đình vẫn bình thường nên bà có gọi ông N về để nói chuyện thì hai vợ chồng xảy ra cãi vã, ông N hăm dọa đánh bà trước mặt mẹ ruột bà, sự việc có Công an phường L can thiệp. Sau đó, ông N chuyển ra khỏi nhà, mối quan hệ vợ chồng cũng lạnh nhạt vì ông N tự ý chuyển ra Thanh Hóa sinh sống và làm việc, không về nhà ăn tết với mẹ con bà vào tết năm 2022. Ông N chặn facebook, zalo của bà và không liên lạc với bà. Sau khi bà đăng facebook thì ông N mới về đòi đánh bà và tố cáo với Công an là bà phản động. Sau đó ông bà cũng hòa giải để đoàn tụ, thời gian dịch bệnh covid- 19 năm 2021 bà đi làm để nuôi con và còn chuyển tiền để ông N tiêu xài vì thời điểm này ông N thất nghiệp, đến tháng 4/2022 ông N có việc làm nên ông N có chuyển tiền cho bà để nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng, việc ông N trình bày mỗi tháng chu cấp nuôi con 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là không đúng, đến đầu năm 2023 ông N không chuyển tiền nuôi con nữa. Nay ông N yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý vì bà muốn ông N suy nghĩ lại để gia đình đoàn tụ, bà chấp nhận tha thứ, các con bà có một gia đình đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Vân A sinh ngày 12/10/2018 và Trịnh Nguyễn Ninh A1 sinh ngày 19/6/2020. Trong trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng. Mặc dù ông N còn có 02 người con riêng khác nữa nhưng hiện nay mức thu nhập mỗi tháng của ông N là gần 200.000.000 đồng nên có khả năng thực hiện việc cấp dưỡng. Từ đầu năm 2023 đến nay ông N không chuyển tiền nuôi con nên bà yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con từ tháng 02/2023. Bà V xác nhận bà có công việc ổn định, thu nhập từ lương là 26.000.000đồng/tháng, ngoài ra bà còn

có nguồn thu nhập từ việc cho thuê nhà. 02 con chung hiện nay đang theo học Trường mẫu giáo L, chi phí nuôi dưỡng 02 con chung mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ninh, giao 02 con chung cho bà V nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Thanh V cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Trịnh Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thanh V tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số xx do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2016. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay ông N nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà V, trong quá trình giải quyết vụ án ông N kiên quyết yêu cầu ly hôn, bà V không đồng ý ly hôn.

Xét ý kiến yêu cầu của các bên về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà V kết hôn hợp pháp, theo ông N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tình nghĩa với nhau, không giúp đỡ nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Từ năm 2021 ông đã chuyển đến sinh sống tại tỉnh Thanh Hóa do không hàn gắn được mâu thuẫn và cho đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên không thể đoàn tụ được. Trong khi đó bà V có ý kiến trình bày trong quá trình chung sống ông N nhiều lần ngoại tình với những người phụ nữ khác, ông bà xảy ra tranh cãi và ông N đã chuyển về Thanh Hóa

sinh sống từ năm 2021 đến nay. Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông N, bà V tại Ủy ban nhân dân phường L và được phúc đáp tại văn bản số 400/UBND ngày 12/6/2023 với nội dung do đương sự không gửi đơn xin hòa giải nên Ủy ban nhân dân phường không biết mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà để cung cấp thông tin. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, qua trình bày của các đương sự thể hiện giữa ông N, bà V đã có những mâu thuẫn, cả hai đều nêu những khuyết điểm kéo dài không được khắc phục của nhau. Hai bên đều xác nhận từ năm 2021 đến nay cả hai đã sinh sống tại 02 nơi khác nhau, trong khoảng thời gian này mâu thuẫn không được giải quyết mà khuyết điểm của mỗi bên càng nghiêm trọng hơn. cả hai không còn sự thương yêu, tôn trọng dành cho nhau, điều này thể hiện ở sự tranh cãi của 02 bên tại phiên tòa, vi phạm quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2018 cho Trịnh Nguyễn Vân A và giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/2020 cho Trịnh Nguyễn Ninh A1 có căn cứ xác định ông N và bà V có 02 con chung tên Trịnh Nguyễn Vân A sinh ngày 12/10/2018 và Trịnh Nguyễn Ninh A1 sinh ngày 19/6/2020.

Ông N, bà V thống nhất ý kiến sau khi ly hôn bà V sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Trịnh Nguyễn Vân A sinh ngày 12/10/2018 và Trịnh Nguyễn Ninh A1 sinh ngày 19/6/2020 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông N, bà V không thống nhất về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Bà V yêu cầu cấp dưỡng mỗi con chung 10.000.000 đồng/tháng từ tháng 02/2023, ông N đồng ý cấp dưỡng mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng từ thời điểm Tòa án giải quyết.

Về mức cấp dưỡng: Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên khi không sống chung với con. Mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét, căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng do ông Ncung cấp cho Tòa án thì mức thu nhập hàng tháng của ông Nhiện nay là hơn 100.000.000 đồng, tuy nhiên cả ông N và bà V đều xác định thu nhập

của ông N không ổn định, ngoài 02 người con chung với bà V thì ông N còn 02 người con riêng khác. Bên cạnh đó, căn cứ hợp đồng lao động và trình bày của Bà V thì bà V có công việc và mức thu nhập ổn định mỗi tháng 26.000.000 đồng. 02 con chung của ông N, bà V hiện nay đang ở độ tuổi 05 tuổi và 03 tuổi, đang học mẫu giáo nên mức cấp dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng là phù hợp, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của trẻ trong điều kiện sinh sống hiện nay tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Ông N, bà V trình bày thống nhất về thời điểm ông N không chuyển tiền nuôi dưỡng con từ tháng 02/2023 đến nay. Như vậy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 69, Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên bà V yêu cầu cấp dưỡng nuôi con từ tháng 02/2023 là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông N và bà V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Ông N và bà V xác định không có.

[3] Về án phí: Ông N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Ngọc N được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Thanh V.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Hoàng Thanh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trịnh Nguyễn Vân A sinh ngày 12/10/2018 và

Trịnh Nguyễn Ninh A1 sinh ngày 19/6/2020. Ông Trịnh Ngọc N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, thực hiện từ tháng 02/2023 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Hoàng Thanh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trịnh Ngọc N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hằng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Ông Trịnh Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thanh V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Trịnh Ngọc N và bà Nguyễn Hoàng Thanh V xác định không có.

5. Về án phí: Ông Trịnh Ngọc N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trịnh Ngọc N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002855 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Trịnh Ngọc N còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy